ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31/12/2025 của Hiệu trưởng)

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
Khối kiến thức: GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			**41**	**479**	**136**		
1	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
2	31122002	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học tự nhiên	2	15	15		
3	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
4	31931049	Địa lý đại cương	3	45	0		
5	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
7	31521688	Sinh thái học	2	30	0		
8	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
9	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
10	00201264	Giáo dục quốc phòng	(4)	(0)	(60)		
11	00101268	Giáo dục thể chất 4	(1)	(0)	(15)		
12	00101267	Giáo dục thể chất 3	(1)	(0)	(15)		
13	00101266	Giáo dục thể chất 2	(1)	(0)	(15)		
14	00101265	Giáo dục thể chất 1	(1)	(0)	(15)		
15	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
16	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
		Học phần tự chọn	***14***	***180***	***30***		
17	31521051	*An toàn lao động và sức khoẻ nghề nghiệp*	2	30	0		
18	31521025	*Khởi sự kinh doanh*	2	15	15		
19	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
20	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
21	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
Khối kiến thức: CƠ SỞ NGÀNH			**9**	**125**	**10**		
22	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
23	31521004	Hóa môi trường đại cương	2	30	0		
24	31534011	Cơ sở khoa học môi trường	3	45	0		
25	31528068	Trắc địa	2	30	0		
Khối kiến thức: CỐT LÕI NGÀNH			**102**	**952**	**1043**		
26	31531647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	45	0		
27	31528030	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	30	0		
28	31528061	Quan trắc môi trường	2	15	30		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
29	31528025	Quản lý vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên	2	15	30		
30	31528024	Giáo dục và truyền thông môi trường	2	30	0		
31	31538066	Lượng giá dịch vụ hệ sinh thái	3	30	15		
32	31528069	Quản lý đất đai	2	30	0	31531647*	
33	31538018	Kỹ thuật phân tích môi trường	3	15	60		
34	31538070	Quản lý chất thải và nước thải	3	30	15		
35	31528016	Vi sinh vật môi trường	2	15	30		
36	31328024	Hóa phân tích	2	22	8		
37	31528071	Đa dạng sinh học	2	30	0		
38	31521068	Quản lí tài nguyên và môi trường biển	2	30	0		
39	31521050	Quản lí khí thải công nghiệp	2	30	0		
40	31521047	Quản lí dự án tài nguyên và môi trường	2	30	0		
41	31531037	Công nghệ môi trường đại cương	3	30	30		
42	31531003	Thực vật học	3	30	30		
43	31531002	Động vật học	3	30	30		
44	31528077	Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu môi trường	2	15	15		
45	31431932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	15	60		
46	31531145	Đánh giá môi trường	3	30	30	31531647*	
		Học phần tự chọn	***51***	***405***	***660***		
47	315108075	*Khóa luận tốt nghiệp*	10	0	300		
48	31558076	*Đồ án tốt nghiệp*	5	0	150		
49	31528067	*Phương pháp điều tra đa dạng sinh học*	2	15	15		
50	31538078	*Khoa học dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường*	3	15	30		
51	31528052	*Quản lý tài nguyên năng lượng*	2	30	0		
52	31528051	*Chuyên đề: Quy hoạch môi trường*	2	30	0		
53	31528032	*Du lịch sinh thái*	2	30	0		
54	31538029	*Hệ thống ISO 14000 và kiểm toán môi trường*	3	30	15		
55	31528023	*Phát triển sinh kế bền vững*	2	30	0		
56	31538022	*Kiểm soát ô nhiễm môi trường*	3	30	30		
57	31538019	*Viễn thám ứng dụng trong quản lý tài nguyên và Môi trường*	3	15	60		
58	31538017	*Độc học môi trường*	3	30	30		
59	31521070	*Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn*	2	30	0		
60	31521069	*Quản lý tổng hợp vùng bờ*	2	30	0		

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
61	31521064	*Thanh tra môi trường*	2	30	0		
62	31538021	*Chuyên đề: Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai*	3	45	0		
63	31521655	*Quan trắc sinh học*	2	15	30		
Khối kiến thức: THỰC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM			**13**	**0**	**390**		
64	31521058	Tham quan thực tế	2	0	60		
65	31541163	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
66	31528072	Thực tế quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng	2	0	60		
67	31528073	Thực tập trắc địa bản đồ	2	0	60		
68	31538074	Thực tế chuyên ngành	3	0	90		
TỔNG SỐ TÍN CHỈ CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO			**165**	**1556**	**1579**		
Tổng số tín chỉ bắt buộc			**110**	**971**	**889**		
Tổng số tín chỉ tự chọn tối thiểu			**20**				

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Diệu	Trịnh Đăng Mậu	TS. Phan Đức Tuấn

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

Ngành: Quản lý Tài nguyên và Môi trường — Khóa: 2026
Trình độ: Đại học — Hình thức đào tạo: Chính quy
(ban hành kèm theo Quyết định số 2495/QĐ-ĐHSP ngày 31 /12 /2025 của Hiệu trưởng)

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
1	00101265	Giáo dục thể chất 1	1	0	15		
	31521004	Hóa môi trường đại cương	2	30	0		
	31534011	Cơ sở khoa học môi trường	3	45	0		
	31721993	Xã hội học đại cương	2	20	10		
	31832001	Văn hoá miền Trung - Tây Nguyên	3	30	15		
	31931049	Địa lý đại cương	3	45	0		
	Số tín chỉ trong kỳ		**13**	**170**	**25**		
2	00101266	Giáo dục thể chất 2	1	0	15		
	31141001	Toán cơ sở	4	40	20		
	31328024	Hóa phân tích	2	22	8		
	31521688	Sinh thái học	2	30	0		
	31528068	Trắc địa	2	30	0		
	31528073	Thực tập trắc địa bản đồ	2	0	60		
	31621549	Pháp luật đại cương	2	22	8		
	Học phần tự chọn						
	31132001	*Công nghệ số cơ bản*	3	30	15		
	Số tín chỉ trong kỳ		**17**	**174**	**111**		
3	00201264	Giáo dục quốc phòng	4	0	60		
	21231902	Triết học Mác - Lênin	3	30	15		
	31431932	Ứng dụng GIS trong quản lý tài nguyên và môi trường	3	15	60		
	31521058	Tham quan thực tế	2	0	60		
	31531002	Động vật học	3	30	30		
	31531003	Thực vật học	3	30	30		
	Số tín chỉ trong kỳ		**14**	**105**	**195**		
4	00101267	Giáo dục thể chất 3	1	0	15		
	21321901	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	22	8	21231902	
	31122002	Phương pháp nghiên cứu trong khoa học tự nhiên	2	15	15		
	31528016	Vi sinh vật môi trường	2	15	30		
	31528071	Đa dạng sinh học	2	30	0		
	31531037	Công nghệ môi trường đại cương	3	30	30		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
4		***Học phần tự chọn***					
	31528067	*Phương pháp điều tra đa dạng sinh học*	2	15	15		
	41232001	*Tiếng Anh B1.1*	3	45	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**172**	**98**		
5	00101268	Giáo dục thể chất 4	1	0	15		
	21221903	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	22	8	21321901	
	31528077	Phương pháp nghiên cứu và phân tích dữ liệu môi trường	2	15	15		
	31531647	Quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường	3	45	0		
	31538018	Kỹ thuật phân tích môi trường	3	15	60		
		Học phần tự chọn					
	31538017	*Độc học môi trường*	3	30	30		
	41242002	*Tiếng Anh B1.2*	4	60	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**17**	**187**	**113**		
6	21221904	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	9	21221903	
	31528061	Quan trắc môi trường	2	15	30		
	31528072	Thực tế quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng	2	0	60		
	31538066	Lượng giá dịch vụ hệ sinh thái	3	30	15		
		Học phần tự chọn					
	31528023	*Phát triển sinh kế bền vững*	2	30	0		
	31528052	*Quản lý tài nguyên năng lượng*	2	30	0		
	31538019	*Viễn thám ứng dụng trong quản lý tài nguyên và Môi trường*	3	15	60		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**141**	**174**		
7	21321922	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	8	21221904	
	31521047	Quản lí dự án tài nguyên và môi trường	2	30	0		
	31528024	Giáo dục và truyền thông môi trường	2	30	0		
	31528025	Quản lý vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên	2	15	30		
	31531145	Đánh giá môi trường	3	30	30	31531647*	
		Học phần tự chọn					
	31521025	*Khởi sự kinh doanh*	2	15	15		
	31521051	*An toàn lao động và sức khoẻ nghề nghiệp*	2	30	0		
	31538022	*Kiểm soát ô nhiễm môi trường*	3	30	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**18**	**202**	**113**		
8	31528069	Quản lý đất đai	2	30	0	31531647*	
	31538070	Quản lý chất thải và nước thải	3	30	15		
	31538074	Thực tế chuyên ngành	3	0	90		

Học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết		Học phần học trước/ tiên quyết/ song hành	Ghi chú
				LT	TH/Bài tập		
8		***Học phần tự chọn***					
	31521655	*Quan trắc sinh học*	2	15	30		
	31538029	*Hệ thống ISO 14000 và kiểm toán môi trường*	3	30	15		
	31538078	*Khoa học dữ liệu trong quản lý tài nguyên và môi trường*	3	15	30		
		Số tín chỉ trong kỳ	**16**	**120**	**180**		
9	31521050	Quản lí khí thải công nghiệp	2	30	0		
	31521068	Quản lí tài nguyên và môi trường biển	2	30	0		
	31528030	Quản lý hệ sinh thái đất ngập nước	2	30	0		
		Học phần tự chọn					
	31521064	*Thanh tra môi trường*	2	30	0		
	31521069	*Quản lý tổng hợp vùng bờ*	2	30	0		
	31521070	*Ứng dụng công nghệ sinh học trong bảo tồn*	2	30	0		
	31528032	*Du lịch sinh thái*	2	30	0		
		Số tín chỉ trong kỳ	**14**	**210**	**0**		
10	31541163	Thực tập tốt nghiệp	4	0	120		
		Học phần tự chọn					
	31528051	*Chuyên đề: Quy hoạch môi trường*	2	30	0		
	31538021	*Chuyên đề: Biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai*	3	45	0		
	31558076	*Đồ án tốt nghiệp*	5	0	150		
	315108075	*Khóa luận tốt nghiệp*	10	0	300		
		Số tín chỉ trong kỳ	**24**	**75**	**570**		

Lưu ý:

- Phải tích luỹ tối thiểu 130 tín chỉ, trong đó bao gồm tất cả các học phần bắt buộc (không tính các học phần Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng vào tổng tín chỉ tích luỹ toàn khoá học).

*- Học phần tiên quyết là Học phần có gắn dấu *.*

- Học phần giảng dạy bằng tiếng Anh là học phần có gắn ký hiệu chữ "A".

TRƯỞNG NGÀNH	TRƯỞNG KHOA	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
Nguyễn Thị Diệu	Trịnh Đăng Mậu	TS. Phan Đức Tuấn